

Số: 57/2019/QĐST- HNGĐ

ĐBp, ngày 10 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 115/2019/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, giữa các đương sự:

- Anh **Cà Văn Th**; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường HL, thành phố ĐBp, tỉnh Đb;

- Chị **Nguyễn Thu Tr**; Địa chỉ: Số nhà 28, tổ dân phố 17, phường MT, thành phố ĐBp, tỉnh Đb.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Cà Văn Th và chị Nguyễn Thu Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Cà Văn Th và chị Nguyễn Thu Tr thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao con chung là Cà Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/3/2017; cho chị Nguyễn Thu Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng, anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung cùng chị Tr là 2.500.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2019. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Anh Cà Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ: Không có.

- **Về án phí:** Anh Cà Văn Th chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002332 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Anh Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Cà Văn Th và chị Nguyễn Thu Tr có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐBP;
- UBND phường MT, TP ĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KT, VP.

THẨM PHÁN

Hà Thị Tám